

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 18/2017/HNGĐ-ST

Ngày 07-8-2017

"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Liên.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Liên.

Bà Nguyễn Minh Trang.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách: Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 120/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2017, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị N, sinh năm 1994 - (vắng mặt);

ĐKHKT: Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Địa chỉ hiện nay: Thôn G, xã T, thị xã C, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Lưu Đình L, sinh năm 1987 - (vắng mặt);

ĐKHKT: Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương;

- *Người làm chứng:*

1- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1956 - (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn G, xã T, thị xã C, tỉnh Hải Dương;

2- Bà Bùi Thị M, sinh năm 1961 - (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 7 năm 2017 cùng bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn Đoàn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lưu Đình L kết hôn tại UBND xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 16/11/2011 (Giấy đăng ký số 67 quyền số 01/2011). Sau khi cưới anh chị sống chung cùng gia đình chồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được gần 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh L chơi bời, không chịu làm ăn, chị đã khuyên anh L nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng vẫn thường xuyên mâu thuẫn. Tháng 5/2014 chị đã làm đơn xin ly hôn, nhưng gia đình chị cùng Tòa án động viên chị về đoàn tụ, vì vậy chị đã rút đơn xin ly hôn. Sau khi chị rút đơn, chị vẫn sống bên nhà đẻ, anh L thỉnh thoảng sang thăm mẹ con chị, nhưng vợ chồng hòa thuận với nhau được 1 thời gian ngắn lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng chị ly thân 02 năm nay, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên xin ly hôn anh L.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Lưu Đình Hoàng H, sinh ngày 22/8/2012, hiện chị đang nuôi cháu. Nếu ly hôn, chị đề nghị tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 7 năm 2017 bị đơn Lưu Đình L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện hoàn cảnh kết hôn như chị N trình bày là đúng. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong việc làm ăn phát triển kinh tế. Vợ chồng có vay tiền để cho anh đi nước ngoài làm ăn nhưng không đi được dẫn đến nợ nần, vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị N đã về nhà đẻ sống. Năm 2014 chị N đã nộp đơn xin ly hôn, sau đó lại rút đơn. Tuy nhiên, chị vẫn sống bên nhà đẻ ở huyện C, anh thỉnh thoảng có sang thăm mẹ con chị N. Đến nay chị N xin ly hôn, mặc dù anh rất mong muốn được đoàn, nhưng chị N đã cương quyết xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lưu Đình Hoàng H, sinh ngày 22/8/2012 hiện cháu ở với mẹ. Anh đồng ý để chị N tiếp tục nuôi con, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh Lưu Đình L không yêu cầu Tòa giải quyết.

Lời khai của những người làm chứng:

Bà Bùi Thị Mắm (mẹ anh Linh) trình bày: Chị Đoàn Thị N và anh Lưu Đình L kết hôn năm 2011. Anh chị chung sống hạnh phúc đã có 01 con chung. Sau đó do vợ chồng vay mượn chạy cho anh L đi nước ngoài nhưng không đi được, dẫn đến nợ nần và vợ chồng thường mâu thuẫn. Chị N đã về sống tại gia đình nhà đẻ từ năm 2014. Thời gian chị N đưa con về nhà ngoại sống anh L vẫn thường xuyên sang thăm hai mẹ con, nhưng thời gần đây anh L ít sang thăm hơn. Nay nếu chị N ly hôn kiên quyết xin ly hôn anh L, thì bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N ly hôn anh L. Vợ chồng anh L có 01 con chung là Lưu Đình Hoàng H, sinh ngày 22/8/2012 hiện cháu ở với chị N.

Bà Nguyễn Thị B là bà ngoại chị N trình bày: Nguyên nhân vợ chồng chị N mâu thuẫn là do anh L chơi bời, thường xuyên bỏ nhà đi qua đêm. Bà nhiều lần động viên vợ chồng N cùng giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N ly hôn anh L. Vợ chồng chị N đã có 01 con chung là Lưu Đình Hoàng H, sinh ngày 22/8/2012, hiện cháu ở với chị N.

Đại diện Công an xã A xác nhận: Vợ chồng anh L và chị N sống tại địa phương hay xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay chị N đã về nhà đẻ ở huyện C sống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng, quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn người làm chứng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị N và anh L là đúng pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về nuôi con chung, chấp nhận sự thỏa thuận của anh L và chị N, giao cho chị N tiếp tục nuôi con chung là Lưu Đình Hoàng H, sinh ngày 22/8/2012, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, nguyên, bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị Đoàn Thị N và anh Lưu Đình L đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ nhất, nhưng anh chị đều có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS. Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị N và anh L.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đoàn Thị N và anh Lưu Đình L kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình nên xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cách sống và việc phát triển kinh tế. Năm 2014 chị N đã có đơn xin ly hôn, nhưng Tòa án hòa giải động viên nên chị đã rút đơn. Tuy nhiên từ đó đến nay tình trạng hôn nhân của anh chị vẫn không được cải thiện. Vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay, chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh và chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài thời gian cũng không đem lại hạnh phúc cho hai bên. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N.

[3] *Về quan hệ con chung*: Anh Lưu Đình L và chị Đoàn Thị N có 01 con chung là Lưu Đình Hoàng H, sinh ngày 22/8/2012. Căn cứ Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận sự thỏa thuận của chị N và anh L, giao cháu H cho chị N tiếp tục nuôi con, anh Lưu Đình L không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị N không yêu cầu.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức*: Anh Lưu Đình L và chị Đoàn Thị N đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về án phí*: Chị Đoàn Thị N xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Đoàn Thị N ly hôn anh Lưu Đình L.

2. *Về quan hệ con chung*: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị Đoàn Thị N và anh Lưu Đình L, giao cho chị N tiếp tục nuôi con là Lưu Đình Hoàng H, sinh ngày

22/8/2012 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, anh Lưu Đình L không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Đoàn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được đối trừ với 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự chị đã nộp tại biên lai số AB/2014/0000078 ngày 07/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách. Chị N đã nộp đủ án phí.

Đoàn Thị N và anh Lưu Đình L vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã A, Huyện N; tỉnh Hải Dương
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hà Thị Liên